

Bản án số: **55** /2024/DS-ST

Ngày: 13 - 08 - 2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui

Và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Lâm;

Bà Đào Thị Tuyết Mai;

- Thư ký phiên Tòa: Ông Đặng Huỳnh Khánh Duy – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2023/TLST – DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “ Hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1950.

Địa chỉ: ấp Giồng Kiến, xã L, huyện B, tỉnh E.

Ông Bùi Văn H ủy quyền cho ông Phạm Quang H tham gia tố tụng theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/6/2023 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện B, tỉnh E.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 14/06/2023, biên bản hòa giải ngày 21/12/2023, và những lời khai tiếp theo ông Phạm Quang Hải là đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn H trình bày:

Vào năm 2022 ông H có tham gia chơi hụi do bà M làm chủ gồm: dây 01 hụi mệnh giá 1.000.000 đồng. Khai ngày 10/08/2022 tháng khai 02 lần dây hụi gồm 22 phần, ông H tham gia 01 phần đóng được 12 phần với số tiền là 11.000.000 đồng. Sau đó bà M có trả cho ông H 2.000.000 đồng còn nợ lại 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Ngoài ra bà M còn vay của ông H 60.000.000 đồng đến nay chưa trả. Tổng cộng bà M còn nợ ông H là 69.000.000 đồng. Nay ông H yêu cầu bà M cùng ông H1 liên đới trả lại ông H 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng) không yêu cầu tính lãi suất.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2023, biên bản hòa giải ngày 21/12/2023 và những lời khai tiếp theo bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà thừa nhận còn nợ ông H 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng) trong đó số tiền hụi đóng thực tế là 11.000.000 đồng và trả dần hiện tại còn nợ tiền hụi là 9.000.000 đồng. Ngoài ra bà còn nợ tiền vay của ông H là 60.000.000 đồng. Tổng cộng bà còn nợ ông H là 69.000.000 đồng. Bà đồng ý trả ông H 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng) nhưng xin tra dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Việc chơi hụi CH1 bà là ông H1 có biết. Tuy nhiên, khi bẻ hụi ông H1 cự cãi với bà và đã bỏ đi làm không về nhà. Bà và ông H1 có 04 người con lớn nhất sinh năm 1986. Chúng tôi đã ly hôn cách nay khoảng 01 năm.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 đã được triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng nên không thu thập được lời khai.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với vi phạm của Thẩm phán về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự 2015, Điều 23 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Bùi Văn H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H1. Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H1 phải liên đới trả số tiền nợ hụi cho Ông Bùi Văn H là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng). Ghi nhận Ông Bùi Văn H không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Bùi Văn H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H1 trả lại số tiền hui và tiền vay là 69.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng góp hui*” theo quy định tại Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận của Công an xã L thì bà Nguyễn Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú xã L nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

[3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập lần thứ hai. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H1 là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền hui 69.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị M thừa nhận còn nợ ông Bùi Văn H 69.000.000 đồng. Lời thừa nhận thống nhất này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận Ông Bùi Văn H có chơi hui với bà Nguyễn Thị M. Trong đó, Ông Bùi Văn H là hui viên, bà Nguyễn Thị M là chủ hui. Ông Bùi Văn H là hui viên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người hui viên đóng hui đầy đủ mỗi kỳ khai hui. Bà Nguyễn Thị M là chủ hui đã tổ chức chơi hui và gom tiền của hui viên ở mỗi kỳ khai hui trong đó có gom tiền của Ông Bùi Văn H nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ của người chủ hui và còn nợ ông H 9.000.000 đồng. Ngoài ra, bà M còn thừa nhận còn nợ tiền nay của ông H là 60.000.000 đồng. Vì bà M vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cầu khởi kiện của ông M là có cơ sở được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn H số tiền hui là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng).

[5] Về trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Văn H1: Tại biên bản hòa giải ngày 21/12/2023 bà M xác nhận việc chơi hui CH1 bà là ông H1 có biết. Tuy nhiên, khi bề hui ông H1 còn chung sống với M chưa ly hôn, bà M và ông H1 kết hôn ngày 11/05/1986 đến ngày 29/06/2023 mới ly hôn theo Quyết định số 133/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện B. Mặc dù không thu thập được lời khai của ông Nguyễn Văn H1 nhưng căn cứ vào lời khai của bà M thì ông H1 có biết bà tổ chức hui. Như vậy, dù khoản nợ này do bà M trực tiếp tổ chức chơi hui nhưng khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông H1 phải có nghĩa

vụ liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy ông Nguyễn Văn H1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ông Bùi Văn H số tiền hui và vay là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng).

[6] Về trách nhiệm thi hành án: Bà M xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, pháp luật không quy định việc trả dần nếu không có sự thỏa thuận của các bên nên yêu cầu này của bà M không được xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, ông Nguyễn Văn H1 tuy thuộc diện người cao tuổi nhưng ông H1 vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu miễn án phí nên ông H1 vẫn phải chịu án phí liên đới cùng bà Nguyễn Thị M. Như vậy, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H1 phải liên đới chịu án phí là 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Bùi Văn H là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tạm ứng án phí.

[8] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phù hợp với Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, 147, 161 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phườg; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Văn H đối với bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H1 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản* ”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Văn H số tiền hui là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng).

Ghi Nhận ông Bùi Văn H không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H1 phải liên đới chịu án phí là 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Bùi Văn H là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Ông Bùi Văn H, bị đơn bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (M lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã Ký

Lê Thị Thu Hương